ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐỢT 7) (ĐIỀU CHỈNH)

(Ban hành kèm Quyết định số 3213 /QĐ-UBND ngày *19* tháng *04* năm 2024 của UBND thành phố Vũng Tàu)

Công trình: Lắp đặt hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Thùy Vân (đoạn từ Phan Chu Trinh đến Hoàng Hoa Thám)

Số TT	NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m^2)	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG (m^2)	PHÂN LOẠI ĐẤT			CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
					ĐẤT Ở	ĐẤT NN	ĐẤT SXKD	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC			
1	Ông (bà) Nguyễn Thị Hương Vân	99 Thuỳ Vân, phường 2, Tp. Vũng Tàu	23,00	8,50	8,50	0,00	0,00	1.026.774.500	0	0	0	7.165.500	1.033.940.000	
2	Ông (bà) Cao Thúc Uy – Đậu Thiên Phước	103 Thuỳ Vân, phường 2, Tp. Vũng Tàu	48,40	5,20	5,20	0,00	0,00	628.144.400	0	0	0	400.000	628.544.400	
3	Ông (bà) Lý Thu Thường	109 Thuỳ Vân, phường 2, Tp. Vũng Tàu	29,60	16,60	16,60	0,00	0,00	2.005.230.200	0	0	0	900.000	2.006.130.200	
4	**Công ty TNHH Trường Nga**	19-21 Thuỳ Vân, phường 2, Tp. Vũng Tàu	55,90	48,20	22,00	**26,20**	**0,00**	**3.050.273.029**	**0**	**0**	**0**	800.000	**3.051.073.029**	Điều chỉnh lại bồi thường diện tích đất SXKD thành đất nông nghiệp theo Văn bản số 2325/VPĐK-ĐKCG ngày 25/12/2021 của Văn phòng đăng lý đất đai Tỉnh.

5	Ông (bà) Nguyễn Trần Hùng – Lý Thu Thường	113 Thuỳ Vân, phường 2, Tp. Vũng Tàu	18,50	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0	0	0	400.000	400.000	
6	Ông (bà) Châu Trần Thành - Châu Thị Thu	71 Thuỳ Vân, phường 2, Tp. Vũng Tàu	21,90	21,90	21,90	0,00	0,00	2.645.454.300	0	0	0	400.000	2.645.854.300	
7	Ông (bà) Lê Văn Hiếu – Hoàng Thị Thu	37 Thuỳ Vân, phường 2, Tp. Vũng Tàu	47,60	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0	0	0	400.000	400.000	
8	Ông (bà) Đỗ Văn Châu – Nguyễn Thị Hương	91 Thuỳ Vân, phường 2, Tp. Vũng Tàu	39,40	23,30	23,30	0,00	0,00	2.814.570.100	0	0	0	900.000	2.815.470.100	
9	Ông (bà) Hoàng Minh Cường	105 đường Thùy Vân, Phường 2, thành phố Vũng Tàu	39,20	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0	0	0	400.000	400.000	
TỔNG CỘNG:			323,50	123,70	97,50	**26,20**	**0,00**	**12.170.446.529**	**0**	**0**	**0**	11.765.500	**12.182.212.029**	

* Diện tích đất thu hồi : 323,50 m2.

* Diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ : 199,80 m2.

* Diện tích đất đủ điều kiện bồi thường 123,70 m2

Trong đó:

+ Đất ở : 97,50 m2

+ Đất nông nghiệp : 26,20 m2

+ Đất SXKD : 0,00 m2

* Số hộ dân, đơn vị có tài sản bị giải tỏa : 09 hộ dân, đơn vị

* Số hộ tái định cư				:	0	hộ dân
* Số hộ giao đất ở mới				:	0	hộ dân
*** Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân**				**:**	**12.182.212.029**	**đồng (1)**
*** Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB**	**12.182.212.029**	**x**	**2 %**	**:**	**243.644.241**	**đồng (2)**
Cụ thể:						
+ Hội đồng BT, HT & TĐC, TP.Vũng Tàu (10%)				**:**	**24.364.424**	**đồng;**
+ Trung tâm phát triển quỹ đất, TP.Vũng Tàu (65%)				**:**	**158.368.756**	**đồng;**
+ Phòng Tài nguyên và Môi trường, TP.Vũng Tàu (13%)				**:**	**31.673.751**	**đồng;**
+ Ban QLDA đầu tư xây dựng 1 (2%)				**:**	**4.872.885**	**đồng;**
+ UBND phường 2, TP.Vũng Tàu (5%)				**:**	**12.182.212**	**đồng;**
+ Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1%)				**:**	**2.436.442**	**đồng;**
+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2%)				**:**	**4.872.885**	**đồng;**
+ Chi cục Quản lý Đất đai (2%)				**:**	**4.872.885**	**đồng.**
*** Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (1) +(2)**				**:**	**12.425.856.270**	**đồng.**

(Bằng chữ: Mười hai tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn, hai trăm sáu mươi tám đồng)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Thuấn